

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29/10/2021
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tạ Thị Nhuận

Ông Nguyễn Văn Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Mộng Cẩm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ ấp P, xã T1, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ ấp P1, xã T1, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 31/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T thành hôn vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Ô. Thời gian vợ chồng chung sống được hơn 02 năm lúc đầu có hạnh phúc, sau thường phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau nên đã cắt đứt

quan hệ khoảng 01 năm nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 05/7/2016 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không gửi văn bản trình bày ý kiến .

Tại phiên Tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện cơ bản đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án nhiều lần là vi phạm quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho nguyên đơn Nguyễn Thị L ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 05/7/2016 cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị buộc chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[1.2] Về xác định chứng cứ: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã nhận được bản sao các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án và được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối bằng văn bản về những tình tiết, sự kiện nguyên đơn đã trình bày trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, do đó nguyên đơn không phải chứng minh. Hội đồng xét xử xác định đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T thành hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Ô, ngày 20/10/2016 nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị L trình bày vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nên vợ chồng đã sống ly thân nhau khoảng 01 năm nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập đương sự đến tham gia phiên hoà giải nhằm giúp đỡ chị L, anh T đoàn tụ nhưng chị L có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, chị L, anh T không mong muốn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T có 01 con tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 05/7/2016 hiện đang sống chung với chị L, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Gia B từ trước đến nay sống chung với mẹ, cuộc sống của cháu vẫn đảm bảo. Mặc khác, anh T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến về việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 05/7/2016 cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục

nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Tại đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị L yêu cầu anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ nhưng tại văn bản ngày 26/6/2021 chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy chị L là người đang trực tiếp nuôi con và chị L xin rút yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 4, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị L.
2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.
3. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 05/7/2016 cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị L nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào

tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0016878 ngày 01/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị L đã nộp đủ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân xã T1 (GCNKH số 44, ngày 20/10/2016;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thu Nga